

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH - QUÝ 1 - MẸ
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026
(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.936.725.950	170.453.997.331
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.514.482.397	41.725.643.213
1.	Tiền	111		19.514.482.397	26.725.643.213
2.	Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	15.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.000.000.000	38.000.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		44.000.000.000	38.000.000.000
4.	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5.	Đầu tư ngắn hạn khác	125			
6.	Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.694.003.818	58.339.163.961
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		35.784.224.036	51.005.471.927
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.844.944.124	6.659.545.208
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
				-	-
5.	Phải thu ngắn hạn khác	135		5.574.064.990	2.183.376.158
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(1.509.229.332)	(1.509.229.332)
7.	Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		34.070.674.475	29.287.149.010
1.	Hàng tồn kho	141		35.087.560.737	30.304.035.272
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.016.886.262)	(1.016.886.262)
V.	Tài sản sinh học ngắn hạn	150			
1.	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151			
2.	Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152			
3.	Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153			
VI.	Tài sản ngắn hạn khác	160		3.657.565.260	3.102.041.147
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		3.364.074.433	2.442.732.333
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2026 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		293.490.827	659.308.814
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		217.825.550.990	215.367.432.881
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		210.000.000	210.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
				-	-
5.	Phải thu dài hạn khác	215		210.000.000	210.000.000
6.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		95.882.669.313	80.427.478.728
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		95.433.146.247	79.879.443.435
-	Nguyên giá	222		178.104.514.702	159.500.685.814
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.671.368.455)	(79.621.242.379)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	Nguyên giá	225		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		449.523.066	548.035.293
-	Nguyên giá	228		1.856.034.720	1.856.034.720
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.406.511.654)	(1.307.999.427)
III.	Tài sản sinh học dài hạn	230			
1.	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231			
a)	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232			
b)	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233			
	Nguyên giá	234			
	Giá trị khấu hao lũy kế	235			
2.	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236			
3.	Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237			
4.	Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238			
IV.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
-	Nguyên giá	241		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V.	Tài sản dở dang dài hạn	250		8.076.965.970	21.426.025.605
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		8.076.965.970	21.426.025.605

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2026 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
VI.	Đầu tư tài chính dài hạn	260		109.000.000.000	109.000.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	261		10.000.000.000	10.000.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		99.000.000.000	99.000.000.000
6.	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266			
VII.	Tài sản dài hạn khác	270		4.655.915.707	4.303.928.548
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		4.655.915.707	4.303.928.548
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280		376.762.276.940	385.821.430.212
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		118.556.455.135	130.817.011.677
I.	Nợ ngắn hạn	310		118.556.455.135	130.817.011.677
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.360.276.052	13.126.346.293
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.588.065.262	24.849.281.188
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313			
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314		2.031.212.616	4.588.705.589
5.	Phải trả người lao động	315		5.730.530.754	11.276.567.243
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316		6.693.396.624	8.829.776.529
7.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9.	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10.	Phải trả ngắn hạn khác	320		2.190.388.377	1.857.138.777
11.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		64.838.220.000	66.164.830.608
12.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		124.365.450	124.365.450
13.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14.	Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333			
4.	Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6.	Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2026 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

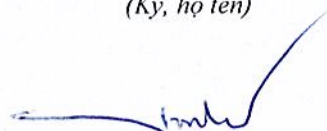
Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7.	Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8.	Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10.	Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11.	Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13.	Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-
D -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		258.205.821.805	255.004.418.535
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		196.000.000.000	196.000.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		196.000.000.000	196.000.000.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn	412		24.811.850.000	24.811.850.000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		9.474.344.616	9.474.344.616
				-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.919.627.189	24.718.223.919
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
	lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		24.718.223.919	16.111.448.423
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		3.201.403.270	8.606.775.496
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		376.762.276.940	385.821.430.212

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP

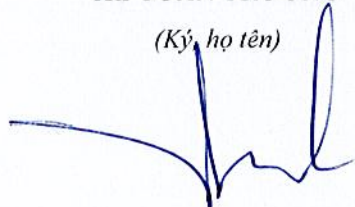
(Ký, họ tên)



Lê Thị Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

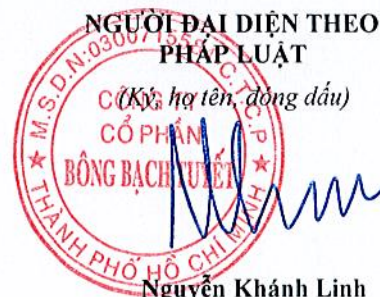
(Ký, họ tên)



Thiều Thị Cẩm Tú

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Khánh Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 1 - MỆ

Quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý Năm nay	Quý Năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		77.287.579.757	55.076.188.186	77.287.579.757	55.076.188.186
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.702.127.381	4.701.318.961	9.702.127.381	4.701.318.961
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		67.585.452.376	50.374.869.225	67.585.452.376	50.374.869.225
4. Giá vốn hàng bán	11		36.273.554.688	36.186.924.163	36.273.554.688	36.186.924.163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		31.311.897.688	14.187.945.062	31.311.897.688	14.187.945.062
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22		4.364.286.149	3.789.407.985	4.364.286.149	3.789.407.985
8. Chi phí tài chính	23		1.824.191.237	3.479.170.035	1.824.191.237	3.479.170.035
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		1.824.191.237	2.775.265.035	1.824.191.237	2.775.265.035
9. Chi phí bán hàng	25		21.205.425.055	3.932.765.334	21.205.425.055	3.932.765.334
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.649.633.724	7.070.544.073	8.649.633.724	7.070.544.073
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23+ 25 + 26)}	30		3.996.933.821	3.494.873.605	3.996.933.821	3.494.873.605
12. Thu nhập khác	31		9.278.905	8.933.413	9.278.905	8.933.413
13. Chi phí khác	32		5.944.852	795.692.329	5.944.852	795.692.329
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.334.053	(786.758.916)	3.334.053	(786.758.916)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.000.267.874	2.708.114.689	4.000.267.874	2.708.114.689
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		798.864.604		798.864.604	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.201.403.270	2.708.114.689	3.201.403.270	2.708.114.689
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Lê Thị Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Thiều Thị Cẩm Tú

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Khánh Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 1 - MẸ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

S T T	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	1	01	4.000.267.874	2.708.114.689
2.	Điều chỉnh cho các khoản:	0			
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2	02	3.148.638.303	2.915.001.184
-	Các khoản dự phòng	3	03	401.525.730	(279.090)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	04		
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	5	05	(4.364.286.149)	(3.789.407.985)
-	Chi phí đi vay	6	06	1.829.022.928	2.775.265.035
-	Các khoản điều chỉnh khác	7	07	-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	0			
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	8	08	5.015.168.686	4.608.693.833
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	9	09	11.184.402.787	(4.276.394.827)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	10	10	(4.783.525.465)	3.450.156.499
-	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	11	11	(6.937.118.148)	(2.298.995.731)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	12	12	(1.273.329.259)	(754.592.134)
-	Chi phí đi vay đã trả	13	13	-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	14	(3.268.357.741)	(2.775.265.035)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	15	(3.712.105.942)	(1.553.286.181)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	16	-	-
-		17	17	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	0			
		20	20	(3.774.865.082)	(3.599.683.576)
		0			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
		0			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	21	(3.939.927.620)	(21.934.810.333)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	22		
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	23	(61.000.000.000)	(10.494.167.438)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24	55.000.000.000	
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27	2.039.797.722	3.789.407.985
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30	(7.900.129.898)	(28.639.569.786)
		0			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
		0			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	31		
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32	32		
3.	Tiền thu từ đi vay	33	33 VII.3	23.707.020.000	38.128.326.998
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	34 VII.4	(27.243.185.836)	(27.576.409.706)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2026 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ PPGT (tiếp theo)

5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	36	-	-	
	0				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40	(3.536.165.836)	10.551.917.292	
	"				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	50	(15.211.160.816)	(21.687.336.070)	
	"				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	60	V.1	41.725.643.213	29.277.857.486
	"				
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	61		-	-
	"				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	70	V.1	26.514.482.397	7.590.521.416

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)


Lê Thị Hồng Nhung**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)


Thiều Thị Cẩm Tú

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO****PHÁP LUẬT**

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Nguyễn Khánh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026-MẸ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh các loại băng, gạc y tế, bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng; sản xuất khẩu trang, khẩu trang sử dụng một lần và khẩu trang y tế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton (công ty con) đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể theo quy định.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton có trụ sở chính tại số 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là buôn bán các loại băng, gạc y tế, trang thiết bị y tế, các loại bông y tế, dược phẩm, dụng cụ y tế, khẩu trang y tế, xà phòng, chất tẩy rửa, chất làm bóng và các chế phẩm vệ sinh. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/2025/NQ-HĐQT về việc giải thể công ty con này nhằm tinh gọn bộ máy, tối ưu nguồn lực và tập trung đẩy mạnh thương hiệu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết trên thị trường.

Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton đã nhận được Thông báo về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể của Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh số 948865/25 ngày 28 tháng 10 năm 2025.

Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton (công ty con) đang trong quá trình hoàn tất thủ tục quyết toán thuế giải thể theo quy định.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy sản xuất – Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	B52-B54/1 đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Số 110, Đường Hai Bà Trưng, Khu phố 3, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 337 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 310 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư 99/2025/TT-BTC Ngày 27 tháng 10 năm 2025 áp dụng từ ngày 01/01/2026, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư 99/2025/TT-BTC Ngày 27 tháng 10 năm 2025 áp dụng từ ngày 01/01/2026 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

☐ Hàng tồn kho: ghi nhận theo giá gốc và lập dự phòng theo giá trị thuần có thể thực hiện được

☐ Tài sản cố định: khấu hao theo phương pháp đường thẳng

☐ Doanh thu: ghi nhận khi chuyển giao rủi ro và lợi ích

☐ Công nợ: đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng

Khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

2. Các khoản phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 92 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 54 tháng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 50
Máy móc và thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	01 - 05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	161.836.552	172.530.007
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.352.645.845	26.553.113.206
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	7.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	26.514.482.397	41.725.643.213

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh	1.717.089	6.868.357
Phải thu các khách hàng khác	35.782.506.947	50.998.603.570
Công ty Cổ phần Brian Việt Nam	3.872.080.656	5.170.418.303
Cửa hàng Trang thiết bị Y tế Tuyết Trang		335.341.316
Phải thu khách hàng bán qua Sàn giao thương mại điện tử	5.032.324.418	7.734.907.028
Các khách hàng khác	26.878.101.873	37.757.936.923
Cộng	35.784.224.036	51.005.471.927

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác	10.844.944.124	6.659.545.208
Công ty TNHH Vật tư và Trang thiết bị Y tế Hạnh Phú		123.988.752
Hefei Fast Nonwoven Machinery Co.,Ltd	946.141.973	3.245.043.878
Power & Action (Suzhou) Visual Technology Co.,Ltd.		817.431.188
Công ty TNHH Shopee	700.921.595	723.887.793
FINE EXPORTS	42.900.513	42.900.513
Các nhà cung cấp khác	9.154.980.043	1.706.293.084
Cộng	10.844.944.124	6.659.545.208

Trong đó, khoản trả trước cho người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 4.989.760.285 VND (số đầu năm là 4.989.760.285 VND).

4. Phải thu về cho vay**4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	-	-
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay	44.000.000.000	38.000.000.000
Cho công ty TNHH Venus HCMC với lãi suất 10% và 12,5%/ năm, thời hạn 12 tháng và 6 tháng	15.000.000.000	15.000.000.000
Cho Bà Phạm Thị Hồng với lãi suất 10,5%/ năm thời hạn 14 ngày		8.000.000.000
Cho công ty TNHH Việt Tín Phước với lãi suất 10.5% / năm, thời hạn 12 tháng	29.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	44.000.000.000	38.000.000.000

(i) Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn kinh doanh và hoạt động đầu tư với lãi suất 12,50%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng.

(ii) Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất 10,50%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng.

Các khoản cho vay của Công ty chủ yếu phát sinh từ hoạt động hỗ trợ vốn lưu động cho các đối tác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá các khoản cho vay này có khả năng thu hồi đầy đủ dựa trên tình hình tài chính của bên vay, lịch sử thanh toán và các cam kết liên quan. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa ghi nhận dự phòng tổn thất đối với các khoản cho vay này do không có dấu hiệu suy giảm giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay	99.000.000.000	99.000.000.000
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn, lãi suất 13%/năm, thời hạn 24 tháng	99.000.000.000	99.000.000.000

- (i) Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn kinh doanh và hoạt động đầu tư với lãi suất 13,00%/năm, thời hạn cho vay từ ngày 25 tháng 6 năm 2025 đến ngày 25 tháng 6 năm 2027,.

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.173.424.657	-	-	-
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn - Lãi cho vay phải thu	3.173.424.657	-	-	-
Công Ty TNHH Bạch Tuyết Kotton - Chi phí hỗ trợ	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.400.640.333	-	2.183.376.158	-
Tiền lãi cho vay	102.095.890	-	941.095.892	-
Tạm ứng	1.345.522.212	-	541.516.941	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	25.320.300	-	68.310.441	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	927.701.931	-	632.452.884	-
Cộng	5.574.064.990	-	2.183.376.158	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê kho dài hạn.

6. Nợ xấu

Công ty có các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

		Số cuối năm			Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn (là bên liên quan) – tiền gốc cho vay		-	-		-	-
Công ty TNHH Thiết bị Y tế và Hóa chất Thiên Long	Không có khả năng thu hồi	361.687.833	-	Không có khả năng thu hồi	361.687.833	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tâm Trường Tín	Từ 06 tháng đến dưới 1 năm	1.366.188.471	956.331.930	Từ 06 tháng đến dưới 1 năm	1.366.188.471	956.331.930
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác		1.468.322.737	730.637.779		1.468.322.737	730.637.779

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn (là bên liên quan) – tiền gốc cho vay		-		-
	<i>Từ 06 tháng đến dưới 1 năm</i>	813.496.823 569.447.776	<i>Từ 06 tháng đến dưới 1 năm</i>	813.496.823 569.447.776
	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	143.725.596 71.862.798	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	143.725.596 71.862.798
	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	297.757.353 89.327.205	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	297.757.353 89.327.205
	<i>Trên 3 năm</i>	213.342.965 -	<i>Trên 3 năm</i>	213.342.965 -
Cộng		3.196.199.041 1.686.969.709		3.196.199.041 1.686.969.709

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.107.703.602	1.107.703.602
Trích lập dự phòng trong năm	401.525.730	401.525.730
Xóa nợ	-	-
Số cuối năm	1.509.229.332	1.509.229.332

Công ty thực hiện đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Mức trích lập dự phòng hiện tại được giữ nguyên so với đầu năm do Ban Tổng Giám đốc nhận định không có biến động trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản công nợ. Đối với một số khoản công nợ quá hạn lâu năm, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi, bao gồm làm việc với đối tác và các thủ tục pháp lý cần thiết. Ban Tổng Giám đốc đánh giá các khoản này đã được phản ánh phù hợp trên Báo cáo tài chính.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.960.568.253	(452.588.804)	19.571.899.099	(452.588.804)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	953.407.030	-	630.699.170	-
Thành phẩm	11.360.064.650	(564.297.458)	9.314.713.802	(564.297.458)
Hàng hóa	813.520.804	-	786.723.201	-
Cộng	35.087.560.737	(1.016.886.262)	30.304.035.272	(1.016.886.262)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.016.886.262	1.186.256.661
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng bổ sung		(169.370.399)
Số cuối năm	1.016.886.262	1.016.886.262

8. Chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	956.482.225	507.727.862
Chi phí bảo hiểm	633.740.592	447.533.732
Chi phí thi công, sửa chữa		926.245.804
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.773.851.616	561.224.935
Cộng	3.364.074.433	2.442.732.333

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	447.953.977	413.601.698
Chi phí sửa chữa	786.440.849	570.782.715
Chi phí thuê đất	3.421.520.881	3.319.544.135
Cộng	4.655.915.707	4.303.928.548

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	47.567.535.432	102.826.082.248	7.450.552.330	1.253.718.103	402.797.701	159.500.685.814
Mua trong năm/kỳ		3.635.209.337			-	3.635.209.337
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	850.313.171	14.118.306.380	-	-	-	14.968.619.551
Sửa chữa lớn	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	48.417.848.603	120.579.597.965	7.450.552.330	1.253.718.103	402.797.701	178.104.514.702
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.098.297.830	21.074.293.201	2.527.857.617	1.071.221.191	402.797.701	31.174.467.540
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	24.557.194.604	48.540.154.267	5.013.494.517	1.107.601.290	402.797.701	79.621.242.379
Khấu hao trong năm/kỳ	739.220.023	2.145.814.961	157.429.080	7.662.012		3.050.126.076
Thanh lý, nhượng bán						-
Số cuối năm	25.296.414.627	50.685.969.228	5.170.923.597	1.115.263.302	402.797.701	82.671.368.455
Giá trị còn lại						
Số đầu năm						

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	23.010.340.828	54.285.927.981	2.437.057.813	146.116.813	-	79.879.443.435
Số cuối năm	23.121.433.976	69.893.628.737	2.279.628.733	138.454.801	-	95.433.146.247
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.856.034.720
Số cuối năm	1.856.034.720
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	40.400.000
Nguyên giá	
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.307.999.427
Khấu hao trong năm/kỳ	98.512.227
Số cuối năm	1.406.511.654
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	548.035.293
Số cuối năm	449.523.066
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	21.426.025.605	1.619.559.916	(14.968.619.551)		8.076.965.970
Cộng	21.426.025.605	1.619.559.916	(14.968.619.551)	-	8.076.965.970

12. Đầu tư góp vốn vào Công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316867776 ngày 20 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

Trong năm, Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton đã làm thủ tục giải thể theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/2025/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 9 năm 2025.

Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton đã nhận được Thông báo về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể của Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh số 948865/25 ngày 28 tháng 10 năm 2025. Hiện Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TNHH Bạch Tuyết Kotton vẫn đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục quyết toán giải thể theo quy định.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch phát sinh với Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	0	36.110.509.101
Doanh thu hỗ trợ giao hàng, lưu kho, sửa chữa hàng hư hỏng	0	6.327.000
Hàng bán bị trả lại	0	4.613.406.990
Phí nhận hỗ trợ nhân viên thị trường	0	734.072.294
Thanh toán phí nhận hỗ trợ nhân viên thị trường	0	938.995.523
Chi hộ thuế nhà thầu	0	62.471.707

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>12.360.276.052</i>	<i>13.126.346.293</i>
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHƯ MẮN	5.582.306.333	5.401.857.537
Các nhà cung cấp khác	6.777.969.719	7.724.488.756
Cộng	12.360.276.052	13.126.346.293

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton (là bên liên quan)	-	-
Công ty TNHH Địa ốc Tân Phú	9.000.000.000	9.000.000.000
Các khách hàng khác	1.259.744.959	1.520.960.885
Cộng	10.259.744.959	10.520.960.885

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Tăng khác⁽¹⁾</u>	<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>		<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	850.427.438	-	5.412.772.897	5.597.797.368	-	665.402.967	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	64.315.522	64.315.522	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.712.105.942	-	798.864.604	3.712.105.942	-	798.864.604	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	396.894.950	474.094.892	370.690.769	-	-	293.490.827
Tiền thuê đất	-	262.413.864	817.807.848	14.621.148	-	540.772.836	-
Các loại thuế khác	-	1	412.127.384	412.127.384	-	-	1
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	26.172.208	-	-	-	-	26.172.208	-
Cộng	4.588.705.589	659.308.814	7.979.983.147	10.171.658.133		2.031.212.616	293.490.827

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bông, băng, gạc y tế và khẩu trang y tế : 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bông tẩy trang, tấm bông, hàng hóa tiêu thụ trong nước khác : 10%

Năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.000.267.874	18.226.595.345
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		333.934.363
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.944.852)	-
Thu nhập chịu/tính thuế	3.994.323.022	18.560.529.708
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	798.864.604	3.712.105.942

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	3.811.698.731	3.674.560.721
Quỹ lương	1.918.832.023	7.602.006.522
Cộng	5.730.530.754	11.276.567.243

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	186.336.571	1.625.671.384
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.507.060.053	7.204.105.145
Cộng	6.693.396.624	8.829.776.529

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton (là bên liên quan) – phải trả khác	14.328.320.303	14.328.320.303
Cổ tức phải trả		17.935.000
Các khoản bảo hiểm	385.639.650	305.935.800
Kinh phí công đoàn	339.656.686	219.370.886
Công ty Cổ phần Đầu tư PDG (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Mandara) – nhận đặt cọc bảo đảm thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	465.092.041	313.897.091
Cộng	16.518.708.680	16.185.459.080

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Khoản tiền đặt cọc bảo đảm thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư PDG (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Mandara) với số tiền là 1.000.000.000 VND đã quá hạn thanh toán từ ngày 19 tháng 01 năm 2014.

19. Vay**19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bom Bắc Đồng Nai (i)		1.277.410.608
Vay dài hạn Financing for Healthier Lives, DAC đến hạn trả (ii)	64.838.220.000	64.887.420.000
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bom Bắc Đồng Nai đến hạn trả	-	-
Cộng	64.838.220.000	66.164.830.608

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bom Bắc Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất quy định theo từng Giấy nhận nợ, thời hạn theo từng Giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang (là dây chuyền sản xuất) thuộc quyền sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

(ii) Khoản vay Financing for Healthier Lives, DAC để đáp ứng nhu cầu của đơn vị liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ y tế theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, với lãi suất hàng năm là LIBOR 6 tháng tính theo Đô la Mỹ cộng với 5,80%/năm, thời hạn vay 05 năm. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch thanh toán cụ thể, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 9 năm 2023. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty với các tài sản dưới đây cho dù đang hoặc sẽ thuộc quyền sở hữu và tồn tại của Công ty với giá trị mua trước thuế được ghi nhận tại Hợp đồng và thực tế thanh toán có giá trị tính bằng tiền VND tương đương 2,500,000.00 USD theo tỷ giá ngày tại giải ngân:

- Toàn bộ tài sản mua mới và các quyền, sở hữu, lợi ích với tài sản mua mới;
- Tất cả quyền, quyền sở hữu và lợi ích liên quan Hợp đồng mua tài sản;
- Khoản trả trước;

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tất cả tài sản bổ sung hàng năm và tất cả các quyền, sở hữu, lợi ích với các tài sản bổ sung hàng năm;
- Tất cả quyền, lợi ích, khoản bồi thường và thanh toán khác nhận được hoặc phải trả thay cho, hoặc gắn liền với, hoặc liên quan đến, và tất cả tài sản thuộc mọi bản chất và mô tả được đưa ra trao đổi, thay thế hoặc thay cho bất kỳ, các quyền và tài sản trên.

Khoản vay của Công ty đã được đảm bảo bởi:

- Một số máy móc, thiết bị tại Nhà máy sản xuất B52-B54/l đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số V.9);
- Bảo lãnh thanh toán từ Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group) và Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (xem thuyết minh số VII.1b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Năm nay					
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.277.410.608		2.209.555.228	(3.486.965.836)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	64.887.420.000		(49.200.000)		64.838.220.000
Cộng	66.164.830.608		2.160.355.228	(3.486.965.836)	64.838.220.000
Năm trước					
Vay ngắn hạn ngân hàng	18.460.180.765	123.813.812.450	-	(102.535.233.063)	39.738.760.152
Vay dài hạn đến hạn trả	23.448.000.000	-	4.000.000.000	(23.448.000.000)	4.000.000.000
Cộng	41.908.180.765	123.813.812.450	4.000.000.000	(125.983.233.063)	43.738.760.152

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bom Bắc Đồng Nai	-	-
Vay Financing for Healthier Lives, DAC	-	-
Cộng	-	-

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống		64.887.420.000
Trên 01 năm đến 05 năm	64.838.220.000	
Cộng	64.838.220.000	64.887.420.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng do đánh giá CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
------------	---------------------------------	-----------------------	------------------------------	------------------------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng do đánh giá CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
Năm nay						
Vay dài hạn ngân hàng	-					
Vay dài hạn tổ chức khác	-					
Cộng	-					
Năm trước						
Vay dài hạn ngân hàng	16.000.000.000			(16.000.000.000)		
Vay dài hạn tổ chức khác	62.855.460.000		2.031.960.000		(64.887.420.000)	
Cộng	78.855.460.000		2.031.960.000	(16.000.000.000)	(64.887.420.000)	

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho người lao động.

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	98.000.000.000	25.160.000.000	9.474.344.616	16.111.448.423	148.745.793.039
Lợi nhuận trong năm trước					
Số dư cuối năm trước	98.000.000.000	25.160.000.000	9.474.344.616	16.111.448.423	148.745.793.039
Số dư đầu năm nay	196.000.000.000	24.811.850.000	9.474.344.616	24.718.223.919	255.004.418.535
Lợi nhuận trong năm/kỳ này		-	-	3.201.403.270	3.201.403.270
Số dư cuối năm nay/kỳ này	196.000.000.000	24.811.850.000	9.474.344.616	27.919.627.189	258.205.821.805

Trong năm tài chính trước, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 98.000.000.000 VND lên 196.000.000.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Do đó, số dư đầu năm 2026 đã phản ánh vốn điều lệ sau khi tăng vốn và phù hợp với số dư cuối năm 2025. Biến động thặng dư vốn cổ phần trong kỳ chủ yếu liên quan đến việc ghi nhận các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động phát hành cổ phiếu đã thực hiện trong năm trước. Trong kỳ, Công ty không thực hiện trích lập bổ sung các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	79.785.580.000	79.785.580.000
Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings	48.426.000.000	48.426.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	18.676.000.000	18.676.000.000
Các cổ đông khác	49.112.420.000	49.112.420.000
Cộng	196.000.000.000	196.000.000.000

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa tiến hành triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP theo Chương trình lựa chọn cho người lao động.

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.600.000	19.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.600.000	19.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.600.000	19.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.600.000	19.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.600.000	19.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tạm ứng, phải thu khác không rõ đối tượng	2.200.718.672	2.200.718.672
Phải thu khách hàng không rõ đối tượng	1.134.256.732	1.134.256.732
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	162.595.984	162.595.984
Cộng	3.497.571.388	3.497.571.388

Các khoản công nợ trên được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	77.285.736.757	55.070.264.186
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.843.000	5.924.000
Cộng	77.287.579.757	55.076.188.186

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.12, Công ty còn phát sinh giao dịch bán hàng cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	32.823.215	37.095.677
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	1.685.900	29.967.250
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	4.273.371.190	3.606.107.570
Hàng bán bị trả lại	5.428.756.191	1.095.211.391
Cộng	9.702.127.381	4.701.318.961
3. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	36.273.554.688	36.186.924.163
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	36.273.554.688	36.186.924.163
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	222.674.296	24.193.254
Lãi tiền cho vay	4.140.638.353	3.765.214.731
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	973.500	
Cộng	4.364.286.149	3.789.407.985
5. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.829.022.928	2.775.265.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		698.640.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(4.831.691)	5.265.000
Cộng	1.824.191.237	3.479.170.035

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.593.075.772	2.332.356.089
Chi Phí Marketing	553.572.328	396.416.579
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	120.718.945	46.976.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.225.281	232.166.277
Chi phí bán hàng amazon	196.725.246	0
Chi phí kênh thương mại điện tử	14.103.539.393	
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.163.112.133	504.733.766
Chi phí bằng tiền khác	1.230.455.957	413.896.018
Chi phí khác	2.000.000	6.220.000
Cộng	21.205.425.055	3.932.765.334

Chi phí bán hàng trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng qua các kênh thương mại điện tử và các chương trình hỗ trợ bán hàng. Các khoản chi phí này phù hợp với chiến lược mở rộng thị trường và được kiểm soát trong phạm vi ngân sách của Công ty.

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.826.763.983	4.738.210.860
Chi phí đồ dùng văn phòng	537.600.711	53.402.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	268.136.916	298.198.605
Thuế, phí và lệ phí	288.194.842	266.716.557
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi		(279.090)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.951.627	74.084.251
Chi phí bằng tiền khác	1.223.805.845	1.634.497.293
Chi phí khác	402.179.800	5.713.300
Cộng	8.649.633.724	7.070.544.073

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc xử lý các khoản nợ không đối tượng tồn lâu	38.393	47.561
Thu nhập khác	9.240.512	8.885.852
Cộng	9.278.905	8.933.413

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (NET)	-	790.627.071
Chi phí khác	5.944.852	5.065.258
Cộng	5.944.852	795.692.329

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.192.310.005	150.822.667.746
Chi phí nhân công	5.397.175.238	43.640.792.619
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.050.126.076	9.440.211.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài		2.698.345.556
Chi phí khác	10.245.721.475	19.548.904.637
Cộng	92.885.332.794	226.150.922.480

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Tiền lương	Phụ cấp, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>				
Ông Nguyễn Khánh Linh	330.020.000	-	9.000.000	339.020.000
Bà Ngô Thị Thu Trang	420.020.000	-	-	420.020.000
<i>Ban Kiểm soát</i>				
Ông Nguyễn Hoàng Giang	-	-	6.000.000	6.000.000
Bà Đoàn Thị Thu Sương	-	-	3.000.000	3.000.000
Bà Trần Bảo Ngọc	-	-	3.000.000	3.000.000
Cộng	750.040.000	-	21.000.000	771.040.000

Năm trước

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khánh Linh	357.600.000	837.400.000	36.000.000	1.231.000.000
Bà Ngô Thị Thu Trang	300.000.000	1.080.000.000	9.800.000	1.389.800.000

Ban Kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tiền lương	Phụ cấp, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Hoàng Giang	-	-	17.466.667	17.466.667
Bà Đoàn Thị Thu Sương	-	-	15.266.667	15.266.667
Bà Trần Bảo Ngọc	-	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	-	-	3.266.667	3.266.667
Cộng	657.600.000	1.917.400.000	93.800.001	2.668.800.001

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group)	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	Công ty con của Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công	Công ty con của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Quỹ Đầu tư Thành Công	Công ty con của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.12 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn		
Cho vay	99.000.000.000	114.000.000.000
Thu tiền cho vay		89.000.000.000
Lãi cho vay	3.173.424.657	12.050.109.587
Thu lãi cho vay		14.576.239.724
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh		
Chiết khấu thương mại	50.577	274.926
Doanh thu bán hàng	1.685.900	29.967.250

Cam kết bảo lãnh

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings và Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital cam kết đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tuyệt đối, vô điều kiện và không hủy ngang khoản vay dài hạn của Công ty với Financing for Healthier Lives, DAC (xem thuyết minh số V.19a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.4a, V.4b, V.5a, V.14 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Các giao dịch với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở các điều khoản thông thường và theo nguyên tắc giá thị trường.

Công ty đảm bảo các giao dịch này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các cổ đông và tuân thủ các quy định hiện

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại băng, gạc y tế, bông y tế, khẩu trang y tế, tăm bông và các sản phẩm khác từ bông băng. Các sản phẩm của Công ty không có sự khác biệt về rủi ro và chủ yếu được tiêu thụ tại Việt Nam. Doanh thu từ việc kinh doanh các sản phẩm này chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Thiều Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2026

Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION – QUARTER 1 – PARENT COMPANY

As at 31 March 2026

(Prepared on a going concern basis)

Unit: VND

No.	Description	Code	Notes	Ending Balance	Beginning Balance
A -	CURRENT ASSETS	100		158.936.725.950	170.453.997.331
I.	Cash and cash equivalents	110		26.514.482.397	41.725.643.213
1.	Cash	111		19.514.482.397	26.725.643.213
2.	Cash equivalents	112		7.000.000.000	15.000.000.000
II.	Short-term financial investments	120		44.000.000.000	38.000.000.000
1.	Trading securities	121		-	-
2.	Allowance for impairment of trading securities	122		-	-
3.	Held-to-maturity investments (short-term)	123		44.000.000.000	38.000.000.000
4.	Allowance for held-to-maturity investments (short-term)	124		-	-
5.	Other short-term investments	125			
6.	Allowance for other short-term investments	126			
III.	Short-term receivables	130		50.694.003.818	58.339.163.961
1.	Trade receivables	131		35.784.224.036	51.005.471.927
2.	Advances to suppliers	132		10.844.944.124	6.659.545.208
3.	Short-term intercompany receivables	133		-	-
4.	Assets pending resolution	134		-	-
				-	-
5.	Other short-term receivables	135		5.574.064.990	2.183.376.158
6.	Allowance for doubtful debts (short-term)	136		(1.509.229.332)	(1.509.229.332)
7.	Shortages pending resolution	137		-	-
IV.	Inventories	140		34.070.674.475	29.287.149.010
1.	Inventories	141		35.087.560.737	30.304.035.272
2.	Allowance for inventory impairment	142		(1.016.886.262)	(1.016.886.262)
V.	Short-term biological assets	150			
1.	Livestock for one-time production (short-term)	151			
2.	Seasonal crops / one-time harvest crops (short-term)	152			
3.	Allowance for biological assets (short-term)	153			

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY
550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
FINANCIAL STATEMENTS
For the three-month period ended 31 March 2026
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued)

No.	Description	Code	Notes	Ending Balance	Beginning Balance
VI.	Other current assets	160		3.657.565.260	3.102.041.147
1.	Short-term prepaid expenses	161		3.364.074.433	2.442.732.333
2.	Deductible VAT	162		-	-
3.	Taxes and other receivables from the State	163		293.490.827	659.308.814
4.	Government bond repurchase transactions	164		-	-
5.	Other current assets	165		-	-
B -	NON-CURRENT ASSETS	200		217.825.550.990	215.367.432.881
I.	Long-term receivables	210		210.000.000	210.000.000
1.	Long-term trade receivables	211		-	-
2.	Long-term advances to suppliers	212		-	-
3.	Investments in subsidiaries	213		-	-
4.	Long-term intercompany receivables	214		-	-
				-	-
5.	Other long-term receivables	215		210.000.000	210.000.000
6.	Allowance for doubtful debts (long-term)	216		-	-
II.	Property, plant and equipment (PPE)	220		95.882.669.313	80.427.478.728
1.	Tangible fixed assets	221		95.433.146.247	79.879.443.435
	- Cost	222		178.104.514.702	159.500.685.814
	-Accumulated depreciation	223		(82.671.368.455)	(79.621.242.379)
2.	Finance lease assets	224		-	-
	- Cost	225		-	-
	- Accumulated depreciation	226		-	-
3.	Intangible assets	227		449.523.066	548.035.293
	- Cost	228		1.856.034.720	1.856.034.720
	-Accumulated amortization	229		(1.406.511.654)	(1.307.999.427)
III.	Long-term biological assets	230			
1.	Livestock for recurring production	231			
a)	Immature livestock	232			
b)	Mature livestock	233			
	- Cost	234			
	-Accumulated depreciation	235			
2.	Livestock for one-time production (long-term)	236			
3.	Long-term crops / plantations	237			
4.	Allowance for biological assets (long-term)	238			
IV.	Investment properties	240		-	-
	- Cost	241		-	-
	-Accumulated depreciation	242		-	-
V.	Long-term work in progress	250		8.076.965.970	21.426.025.605

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY
550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
FINANCIAL STATEMENTS
For the three-month period ended 31 March 2026
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued)

No.	Description	Code	Notes	Ending Balance	Beginning Balance
1.	Long-term production and business in progress	251		-	-
2.	Construction in progress	252		8.076.965.970	21.426.025.605
VI.	Long-term financial investments	260		109.000.000.000	109.000.000.000
1.	Investments in subsidiaries	261		10.000.000.000	10.000.000.000
2.	Investments in associates and joint ventures	262		-	-
3.	Investments in other entities	263		-	-
4.	Allowance for long-term investments	264		-	-
5.	Held-to-maturity investments (long-term)	265		99.000.000.000	99.000.000.000
6.	Allowance for held-to-maturity investments (long-term)	266			
VII.	Other non-current assets	270		4.655.915.707	4.303.928.548
1.	Long-term prepaid expenses	271		4.655.915.707	4.303.928.548
2.	Deferred income tax assets	272		-	-
3.	Long-term spare parts and supplies	273		-	-
4.	Other non-current assets	274		-	-
	TOTAL ASSETS	280		376.762.276.940	385.821.430.212
C -	LIABILITIES	300		118.556.455.135	130.817.011.677
I.	Current liabilities	310		118.556.455.135	130.817.011.677
1.	Trade payables	311		12.360.276.052	13.126.346.293
2.	Advances from customers	312		24.588.065.262	24.849.281.188
3.	Dividends and profit payable	313			
4.	Taxes and other payables to the State	314		2.031.212.616	4.588.705.589
5.	Payables to employees	315		5.730.530.754	11.276.567.243
6.	Short-term accrued expenses	316		6.693.396.624	8.829.776.529
7.	Short-term intercompany payables	317		-	-
8.	Construction contract liabilities	318		-	-
9.	Unearned revenue (short-term)	319		-	-
10.	Other short-term payables	320		2.190.388.377	1.857.138.777
11.	Short-term borrowings and finance lease liabilities	321		64.838.220.000	66.164.830.608
12.	Short-term provisions	322		124.365.450	124.365.450
13.	Bonus and welfare funds	323		-	-
14.	Price stabilization fund	324		-	-
15.	Government bond repurchase transactions	325		-	-
II.	Non-current liabilities	330		-	-
1.	Long-term trade payables	331		-	-
2.	Long-term advances from customers	332		-	-
3.	Long-term taxes payable	333			
4.	Long-term accrued expenses	334		-	-
5.	Internal capital payables	335		-	-

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY
550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
FINANCIAL STATEMENTS
For the three-month period ended 31 March 2026
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued)

No.	Description	Code	Notes	Ending Balance	Beginning Balance
6.	Long-term intercompany payables	336		-	-
7.	Unearned revenue (long-term)	337		-	-
8.	Other long-term payables	338		-	-
9.	Long-term borrowings and finance lease liabilities	339		-	-
10.	Convertible bonds	340		-	-
11.	Preference shares	341		-	-
12.	Deferred income tax liabilities	342		-	-
13.	Long-term provisions	343		-	-
14.	Science and technology development fund	344		-	-
D -	EQUITY	400		258.205.821.805	255.004.418.535
1.	Contributed capital	411		196.000.000.000	196.000.000.000
-	- Ordinary shares with voting rights	411a		196.000.000.000	196.000.000.000
-	- Preference shares	411b		-	-
2.	Share premium	412		24.811.850.000	24.811.850.000
3.	Convertible bond option	413		-	-
4.	Other equity	414		-	-
5.	Treasury shares	415		-	-
6.	Revaluation surplus	416		-	-
7.	Foreign exchange differences	417		-	-
8.	Investment and development fund	418		9.474.344.616	9.474.344.616
				-	-
9.	Other funds	419		-	-
10.	Retained earnings	420		27.919.627.189	24.718.223.919
-	- Retained earnings brought forward	420a		24.718.223.919	16.111.448.423
-	- Current period retained earnings	420b		3.201.403.270	8.606.775.496
				-	-
	TOTAL LIABILITIES AND EQUITY	440		376.762.276.940	385.821.430.212

Prepared by
(Signature, full name)



Le Thi Hong Nhung

Chief Accountant
(Signature, full name)



Thieu Thi Cam Tu

Ho Chi Minh City, 29 April 2026
Legal Representative
(Signature, full name, company seal)



Nguyen Khanh Linh

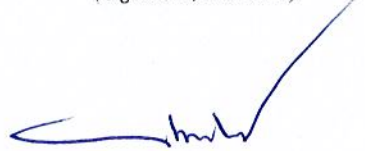
STATEMENT OF PROFIT OR LOSS (PARENT COMPANY)
For the three-month period ended 31 March 2026

Unit: VND

No.	Description	Code	Notes	Current Quarter (2026)	Comparative Quarter (2025)	Year-to-date (2026)	Year-to-date (2025)
1.	Revenue from sales and services	01		77.287.579.757	55.076.188.186	77.287.579.757	55.076.188.186
2.	Sales deductions	02		9.702.127.381	4.701.318.961	9.702.127.381	4.701.318.961
3.	Net revenue from sales and services	10		67.585.452.376	50.374.869.225	67.585.452.376	50.374.869.225
4.	Cost of goods sold	11		36.273.554.688	36.186.924.163	36.273.554.688	36.186.924.163
5.	Gross profit	20		31.311.897.688	14.187.945.062	31.311.897.688	14.187.945.062
6.	Gain/(loss) from disposal of investment properties	21					
7.	Financial income	22		4.364.286.149	3.789.407.985	4.364.286.149	3.789.407.985
8.	Financial expenses	23		1.824.191.237	3.479.170.035	1.824.191.237	3.479.170.035
	of which: Interest expenses	24		1.824.191.237	2.775.265.035	1.824.191.237	2.775.265.035
9.	Selling expenses	25		21.205.425.055	3.932.765.334	21.205.425.055	3.932.765.334
10.	General and administrative expenses	26		8.649.633.724	7.070.544.073	8.649.633.724	7.070.544.073
11.	Operating profit	30		3.996.933.821	3.494.873.605	3.996.933.821	3.494.873.605
12.	Other income	31		9.278.905	8.933.413	9.278.905	8.933.413
13.	Other expenses	32		5.944.852	795.692.329	5.944.852	795.692.329
14.	Other profit/(loss)	40		3.334.053	(786.758.916)	3.334.053	(786.758.916)
15.	Profit before tax	50		4.000.267.874	2.708.114.689	4.000.267.874	2.708.114.689
16.	Current corporate income tax expense	51		798.864.604		798.864.604	
17.	Deferred corporate income tax expense	52					
18.	Profit after tax	60		3.201.403.270	2.708.114.689	3.201.403.270	2.708.114.689
19.	Basic earnings per share (*)	70					
20.	Diluted earnings per share (*)	71					

Ho Chi Minh City, 29 April 2026

Prepared by
(Signature, full name)



Le Thi Hong Nhung

Chief Accountant
(Signature, full name)



Thieu Thi Cam Tu

Legal Representative
(Signature, full name, company seal)



Nguyen Khanh Linh

STATEMENT OF CASH FLOWS – QUARTER 1 – PARENT COMPANY

(Indirect method)

Unit: VND

No.	Description	Code Notes	Year-to-date (2026)	Year-to-date (2025)
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1.	<i>Profit before tax</i>	01	4.000.267.874	2.708.114.689
2.	<i>Adjustments for:</i>			
-	Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	3.148.638.303	2.915.001.184
-	Provisions	03	401.525.730	(279.090)
-	Foreign exchange gains/(losses) from revaluation of monetary items	04		
-	Gains/(losses) from investing and financing activities	05	(4.364.286.149)	(3.789.407.985)
-	Interest expense	06	1.829.022.928	2.775.265.035
-	Other adjustments	07	-	-
3.	<i>Operating profit before changes in working capital</i>	08	5.015.168.686	4.608.693.833
-	Increase/(decrease) in receivables	09	11.184.402.787	(4.276.394.827)
-	Increase/(decrease) in inventories	10	(4.783.525.465)	3.450.156.499
-	Increase/(decrease) in payables (excluding interest payable and income tax payable)	11	(6.937.118.148)	(2.298.995.731)
-	Increase/(decrease) in prepaid expenses	12	(1.273.329.259)	(754.592.134)
-	Increase/(decrease) in trading securities	13	-	-
-	Interest paid	14	(3.268.357.741)	(2.775.265.035)
-	Corporate income tax paid	15	(3.712.105.942)	(1.553.286.181)
-	Other cash receipts from operating activities	16	-	-
-	Other cash payments for operating activities	17	-	-
	<i>Net cash flows from operating activities</i>	20	(3.774.865.082)	(3.599.683.576)
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1.	Cash payments for acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets	21	(3.939.927.620)	(21.934.810.333)
2.	Cash proceeds from disposal of fixed assets and other long-term assets	22		
3.	Cash outflows for lending and purchases of debt instruments of other entities	23	(61.000.000.000)	(10.494.167.438)
4.	Cash inflows from recovery of loans and disposal of debt instruments of other entities	24	55.000.000.000	
5.	Cash outflows for investments in other entities	25	-	-
6.	Cash inflows from divestment of investments in other entities	26	-	-
7.	Interest received, dividends and profit received	27	2.039.797.722	3.789.407.985

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam FINANCIAL STATEMENTS (PARENT COMPANY)

STATEMENT OF CASH FLOWS – QUARTER 1 – PARENT COMPANY

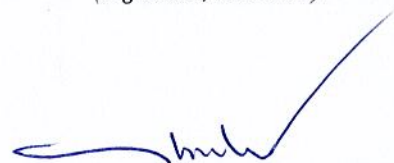
(Indirect method)

<i>Net cash flows from investing activities</i>	30		(7.900.129.898)	(28.639.569.786)
---	-----------	--	------------------------	-------------------------

III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES

1. Proceeds from issuance of shares and capital contributions from owners	31			
2. Payments for return of capital to owners and repurchase of issued shares	32			
3. Proceeds from borrowings	33	VII.3	23.707.020.000	38.128.326.998
4. Repayment of borrowings	34	VII.4	(27.243.185.836)	(27.576.409.706)
5. Repayment of finance lease liabilities	35		-	-
6. Dividends and profit paid to owners	36		-	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		(3.536.165.836)	10.551.917.292
NET INCREASE/(DECREASE) IN CASH AND CASH EQUIVALE	50		(15.211.160.816)	(21.687.336.070)
Cash and cash equivalents at beginning of period	60	V.1	41.725.643.213	29.277.857.486
Effect of exchange rate changes	61		-	-
Cash and cash equivalents at end of period	70	V.1	26.514.482.397	7.590.521.416

Prepared by
(Signature, full name)


Le Thi Hong Nhung

Chief Accountant
(Signature, full name)


Thieu Thi Cam Tu

Ho Chi Minh City, 29 April 2026

Legal Representative

(Signature, full name, company seal)

**Nguyen Khanh Linh**

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS**QUARTER 1 OF 2026**

For the period from 01 January 2026 to 31 March 2026

I. GENERAL INFORMATION**1. Ownership form**

Bach Tuyet Cotton Corporation (hereinafter referred to as "the Corporation") is a joint stock company.

2. Business field

The Corporation's business fields are manufacturing and trading.

3. Principal business activities

Principal business activities of the Corporation are to manufacture and trade all kinds of medical bandage, medical gauze, medical cotton, sanitary napkins and other products from cotton; to manufacture masks, disposable masks and medical masks.

4. Normal operating cycle

The Corporation's normal operating cycle is within 12 months.

5. Effects of the Corporation's operation during the year on the Financial Statements

On 30 September 2025, the Board of Directors approved the dissolution of Bach Tuyet Kotton Company Limited (a subsidiary). The Corporation directly sells products online via e-commerce platforms, resulting in a significant increase in revenue and costs from e-commerce platforms during the year.

6. Structure of the Corporation***Subsidiary***

The Corporation only invests in its subsidiary which is Bach Tuyet Kotton Company Limited, located at No. 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City. Principal business activity of this subsidiary is to trade in all kinds of medical bandage, medical gauze, medical equipment, medical cotton, pharmaceuticals, medical instruments, medical masks, soap, detergents, polishes and sanitary products. As of the balance sheet date, the Corporation's percentage of equity at this subsidiary is 100%, equivalent to percentage of voting right and percentage of benefit.

On 30 September 2025, the Board of Directors approved Resolution No. 16/2025/NQ-HĐQT regarding the dissolution of the subsidiary to streamline operations, optimize resources and focus on strengthening Bach Tuyet Cotton Corporation's brand in the market.

Bach Tuyet Kotton Company Limited received Notice No. 948865/25 dated 28 October 2025 from Ho Chi Minh City Department of Finance, regarding the company's dissolution proceedings.

Affiliates which are not legal entities and cannot do accounting works independently

Affiliates	Address
Manufacturing Factory – Bach Tuyet Cotton Corporation	B52-B54/I, Road 2E, Vinh Loc Industrial Park, Vinh Loc Commune, Ho Chi Minh City
Representative Office – Bach Tuyet Cotton Corporation	No. 110, Hai Ba Trung Street, Quarter 3, Trang Bom Commune, Dong Nai Province

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

7. Statement of information comparability on the Financial Statements

The corresponding figures of the previous year can be comparable with the figures of the current year.

8. Headcount

As of the balance sheet date, the Corporation's headcount is 337 (headcount at the beginning of the year: 310).

II. FINANCIAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Financial year

The Company's financial year begins on 01 January and ends on 31 December each year..

2. Accounting currency

The accounting currency used by the Company is Vietnam Dong (VND), as the majority of transactions are denominated in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND APPLICABLE ACCOUNTING REGIME

1. Applicable accounting framework

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting System issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025, effective from 01 January 2026, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, and other relevant guidance issued by the Ministry of Finance for the preparation and presentation of the Financial Statements.

Statement of compliance

The Board of Management confirms that the Financial Statements have been prepared in compliance with Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting System issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025, effective from 01 January 2026, as well as relevant guidance issued by the Ministry of Finance for the preparation and presentation of the Financial Statements.

2. Statement of the compliance with the Accounting Standards and System

The General Director ensures compliance with the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016, as well as the circulars guiding the implementation of accounting standards by the Ministry of Finance in the preparation and presentation of the Financial Statements.

On October 27, 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC ("Circular 99") providing guidance on the Enterprise Accounting System, replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance on providing guidance on Enterprise Accounting System ("Circular 200") and Circulars No. 75/2015/TT-BTC dated May 18, 2015 and No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016 of the Ministry of Finance amending and supplementing certain provisions of Circular 200. The provisions of Circular 99 apply to bookkeeping, preparation and presentation of the Financial Statements for the fiscal year beginning on January 01, 2026.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of Preparation of the Financial Statements

The financial statements have been prepared on the accrual basis of accounting (except for information relating to cash flows).

- Inventories: measured at cost and provided for at net realizable value
- Property, plant and equipment: depreciated using the straight-line method
- Revenue: recognized when risks and rewards are transferred
- Receivables: assessed for recoverability and provided for impairment

Investment in Subsidiaries

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

A subsidiary is an entity over which the Company has control. Control is achieved when the Company has the power to govern the financial and operating policies of the investee so as to obtain economic benefits from its activities.

Initial recognition

Investments in subsidiaries are initially recognized at cost, including purchase price or capital contribution plus directly attributable costs. In cases where investments are made using non-monetary assets, the cost is determined based on the fair value of such assets at the date of contribution.

Provision for impairment of investments in subsidiaries

A provision for impairment is recognized when the subsidiary incurs losses. The provision is determined as the difference between the actual contributed capital and the subsidiary's equity, multiplied by the Company's ownership interest.

Where the subsidiary prepares consolidated financial statements, the basis for determining impairment is the consolidated financial statements.

Movements in the provision for impairment of investments in subsidiaries at the reporting date are recognized in finance costs.

2. Receivables

Receivables are presented at carrying amount less allowance for doubtful debts.

Classification of receivables is as follows:

- Trade receivables: amounts due from customers arising from commercial transactions between the Company and independent buyers.
- Other receivables: non-trade receivables not related to sales transactions.

Allowance for doubtful debts

The allowance is made for each doubtful receivable based on aging after offsetting with payables (if any) or based on estimated recoverable amounts, as follows:

- Overdue receivables:
 - 30% for overdue balances from 6 months to less than 1 year
 - 50% for overdue balances from 1 year to less than 2 years
 - 70% for overdue balances from 2 years to less than 3 years
 - 100% for overdue balances from 3 years or more
 - Not yet overdue but potentially uncollectible: provision is made based on estimated loss.
- Movements in the allowance for doubtful debts at year-end are recognized in general and administrative expenses.

3. Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Cost determination

- Raw materials and merchandise: include purchase cost and other directly attributable costs incurred to bring inventories to their present location and condition.
- Work in progress: include direct materials, labor costs and other directly attributable costs.
- Finished goods: include materials, direct labor and allocated production overheads based on normal operating capacity.

Inventory is valued using the weighted average method and accounted for under the perpetual inventory system.

Net realizable value

Net realizable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less estimated costs of completion and costs necessary to make the sale.

Provision for inventory obsolescence

Provision is made for each inventory item where cost exceeds net realizable value. Movements in the provision at year-end are recognized in cost of sales.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

4. Prepaid Expenses

Prepaid expenses represent costs incurred that relate to the operating results of multiple accounting periods. These mainly include land rental, tools and supplies, and major repairs of fixed assets. Such expenses are allocated over the prepaid period or the period in which related economic benefits are realized.

Land rental

Prepaid land rental represents land lease payments for land used by the Company and is amortized on a straight-line basis over the lease term (50 years).

Tools and supplies

Tools and supplies in use are amortized on a straight-line basis over a period not exceeding 92 months.

Major repairs of fixed assets

Significant one-off repair costs are amortized on a straight-line basis over a period not exceeding 54 months.

5. Property, Plant and Equipment

Property, plant and equipment are stated at cost less accumulated depreciation.

Cost includes all expenditures necessary to bring the asset to its working condition for its intended use. Subsequent costs are capitalized only when they are expected to generate future economic benefits; otherwise, they are expensed as incurred.

Upon disposal, the cost and accumulated depreciation are derecognized, and any resulting gain or loss is recognized in profit or loss.

Depreciation is calculated using the straight-line method over the estimated useful lives as follows:

Category	Useful life (years)
Buildings and structures	03 – 50
Machinery and equipment	02 – 15
Vehicles and transmission equipment	05 – 15
Office equipment	01 – 08
Other tangible fixed assets	01 – 05

6. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are presented at initial costs less accumulated amortization.

The Corporation's intangible fixed asset includes computer software. Expenses attributable to computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Corporation until the date the software is put into use. The computer software is amortized in accordance with the straight-line method in 5 years.

Upon disposal or liquidation of an intangible fixed asset, its initial costs and accumulated amortization are derecognized, then any gain or loss resulting from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

7. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant interest expenses following the accounting policies of the Corporation) directly attributable to assets under construction, machinery and equipment under installation for purposes of production, leasing and management as well as the repair of fixed assets in progress. These assets are recorded at historical costs and not depreciated.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

8. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded for the amounts payable in the future associated with the goods and services received. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of goods, services, or assets, of which the seller is an independent entity with the Corporation, including payables for import through entrustment.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operation expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of goods or provisions of services.

The payables and accrued expenses are classified as short-term and long-term items in the Balance Sheet on the basis of their remaining term as of the balance sheet date.

9. Provisions for severance allowances

The Corporation is required to pay severance allowance to employees who have been employed by the Corporation on a regular basis for twelve (12) months or more, for the period during which unemployment insurance contributions have not been made, upon termination of their employment contracts. The provision for severance allowance is made at a rate equal to one-half (1/2) month of average salary plus salary allowances (if any) based on the average of the most recent six (6) consecutive months prior to the date of the Financial Statements, for each year of service.

Increases or decreases in the provision for severance allowance required to be recognized at the balance sheet date are recognized in general and administrative expenses.

10. Owner's equity

Owner's capital

The contributed capital is recorded according to the actual amounts invested by shareholders.

Share premiums

Share premiums are recorded in accordance with the difference between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date. Expenses directly related to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

11. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Corporation as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made with consideration toward non-cash items in the retained earnings that may affect cash flows and payment of dividends such as profit due to revaluation of assets contributed as investment capital, profit due to revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividends are recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

12. Recognition of revenue and income

Revenue from sales of merchandise, finished goods

Revenue from sales of merchandise, finished goods shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The Corporation transfers most of risks and benefits incident to the ownership of merchandise, products to customers.
- The Corporation retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the merchandise, products sold.
- The amount of revenue can be measured reliably. When the contracts stipulate that buyers have the right to return merchandise, products purchased under specific conditions, the revenue is recorded only when those specific conditions are no longer exist and buyers retains no right to return merchandise, products (except for the case that such returns are in exchange for other merchandise or services).
- The Corporation received or shall probably receive the economic benefits associated with sale transactions.
- The cost incurred or to be incurred in respect of the sale transaction can be measured reliably.

Revenue from provisions of services

Revenue from provisions of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, the revenue is recognized only when these specific conditions are no longer existed and the buyer is not entitled to return the services provided.
- The Corporation received or shall probably receive the economic benefits associated with the provision of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are provided in several accounting periods, the determination of revenue is done on the basis of the volume of work done as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded, based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividends and profit received

Dividends and profit received are recognized when the Corporation has the right to receive dividends or profit from the capital contribution. Dividends received in the form of shares are accounted for by tracking only the increase in the number of shares held, with no recognition of the value of the shares received.

13. Revenue deductions

Revenue deductions include trade discounts, sales returns incurred in the same period of providing products, merchandise, services, in which revenue is derecognized.

In case of products, merchandise, services provided in the previous years but trade discounts, sales returns incurred in the current year, revenue is derecognized as follows:

- If trade discounts, sales returns incur prior to the release of the Financial Statements, revenue is derecognized on the Financial Statements of the current year.
- If trade discounts, sales returns incur after the release of the Financial Statements, revenue is derecognized on the Financial Statements of the following year.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

14. Borrowing costs

Borrowing costs are interest and other costs that the Corporation directly incurs in connection with the borrowing.

Borrowing costs are recorded as an expense when it is incurred. In case the borrowing costs are directly attributable to the construction or the production of an asset in progress, which takes a substantial period of time (over 12 months) to get ready for intended use or sales of the asset, these costs will be included in the cost of that asset. To the extent that the borrowings are especially for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, the borrowing cost is eligible for capitalization even if construction period is under 12 months. Incomes arisen from provisional investments as borrowings are recognized as a decrease in the costs of relevant assets.

In the event that general borrowings are partly used for the acquisition, construction or production of an asset in progress, the costs eligible for capitalization will be determined by applying the capitalization rate to average accumulated expenditure on construction or production of that asset. The capitalization rate is computed at the weighted average interest rate of the borrowings not yet paid during the year, except for particular borrowings serving the purpose of obtaining a specific asset.

15. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

16. Corporate income tax

Corporate income tax includes current income tax and deferred income tax.

Current income tax

Current income tax is the tax amount computed based on the assessable income. The assessable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

Deferred income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the Financial Statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of assessable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.

Carrying values of deferred corporate income tax assets are considered as of the balance sheet date and will be reduced to the rate that ensures enough assessable income against which the benefits from part of or all of the deferred income tax can be used. Deferred corporate income tax assets, which have not been recorded before, are considered as of the balance sheet date and are recorded when there is certainly enough assessable income to use these unrecognized deferred corporate income tax assets.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rate to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the Income Statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity.

The Corporation shall offset deferred tax assets and deferred tax liabilities if:

- The Corporation has the legal right to offset current income tax assets against current income tax liabilities; and
- Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are relevant to corporate income tax which is under the management of one tax authority either:
 - Of the same subject to corporate income tax; or
 - The Corporation has intention to pay current income tax liabilities and current income tax assets on a net basis or recover tax assets and settle tax liability simultaneously in each future period to the extent that the majority of deferred income tax liabilities or deferred income tax assets are paid or recovered.

17. Related parties

A party is considered a related party of the Corporation in case that party is able to control the Corporation or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the Corporation. A party is also considered a related party of the Corporation in case that party is under the same control or is subject to the same material effects.

Considering the relationship of related parties, the nature of relationship is focused more than its legal form.

18. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Corporation that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Corporation that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policies applicable to the preparation and presentation of the Financial Statements of the Corporation.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS PRESENTED IN THE BALANCE SHEET**1. Cash and cash equivalents**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	161.836.552	172.530.007
Cash in bank	19.352.645.845	26.553.113.206
Bank deposits of which the principal maturity is from 3 months or less	7.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	<u><u>26.514.482.397</u></u>	<u><u>41.725.643.213</u></u>

2. Short-term trade receivables

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Ho Chi Minh City Medical Import-Export Joint Stock Company	1.717.089	6.868.357
Receivables from other customers	35.782.506.947	50.998.603.570
Brian Vietnam Joint Stock Company	3.872.080.656	5.170.418.303
Tuyet Trang Medical Equipment Store		335.341.316
Receivables from customers via e-commerce platforms	5.032.324.418	7.734.907.028
Other customers	26.878.101.873	37.757.936.923
Total	35.784.224.036	51.005.471.927

3. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Advances to other suppliers	10.844.944.124	6.659.545.208
Hanh Phu Medical Supplies and Equipment Company Limited		123.988.752
Hefei Fast Nonwoven Machinery Co., Ltd.	946.141.973	3.245.043.878
Power & Action (Suzhou) Visual Technology Co., Ltd.		817.431.188
Shopee Company Limited	700.921.595	723.887.793
FINE EXPORTS	42.900.513	42.900.513
Other suppliers	9.154.980.043	1.706.293.084
Total	10.844.944.124	6.659.545.208

Of which, advances to suppliers related to the acquisition of property, plant and equipment amounted to VND 8,194,394,973 (beginning balance: VND 4,989,760,285).

4. Receivables for loans**4a. Receivables for short-term loans**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Loans to related parties	-	
Loans to other organizations and individuals	44.000.000.000	38.000.000.000
Loan to Venus HCMC Company Limited at interest rates of 10% and 12.5% per annum, with terms of 12 months and 6 months	15.000.000.000	15.000.000.000
Loan to Ms. Pham Thi Hong at an interest rate of 10.5% per annum, with a term of 14 days		8.000.000.000
Loan to Viet Tin Phuoc Company Limited at an interest rate of 10.5% per annum, with a term of 12 months	29.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	44.000.000.000	38.000.000.000

These are the unsecured loans at an interest rate of 12.50%/year, with a loan term of 12 months, to supplement the working capital and make investments.

This is the unsecured loan at an interest rate of 10.50%/year, with a term of 12 months, to supplement the working capita.

The Company's loans primarily arise from providing working capital support to its business partners. The Board of Management assesses that these loans are fully recoverable based on the financial position of the borrowers, their repayment history, and related contractual commitments. As at the reporting date, the Company has not recognized any impairment provision for these loans as there is no indication of impairment.

4b. Receivables for long-term loans

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Loans to Other Organizations and Individuals	99.000.000.000	99.000.000.000
Loan to Sai Gon Leather Garment Joint Stock Company, bearing an interest rate of 13% per annum, with a term of 24	99.000.000.000	99.000.000.000

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

		Ending balance	Beginning balance
months.			

- (i) This is the unsecured loan at an interest rate of 13.00%/year, with a loan term from 25 June 2025 to 25 June 2027, to supplement the working capital and make investments,.

5. Other receivables**5a. Other short-term receivables**

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowances	Value	Allowances
Receivables from related parties	3.173.424.657	-		
Sai Gon Leather Garment Joint Stock Company – Interest receivable	3.173.424.657	-		
Bach Tuyet Kotton Company Limited – Support expenses receivable		-		-
Receivables from other organizations and individuals	2.400.640.333	-	2.183.376.158	-
Interest receivable	102.095.890	-	941.095.892	-
Advances	1.345.522.212	-	541.516.941	-
Short-term deposits, collateral and security deposits	25.320.300	-	68.310.441	-
Other short-term receivables	927.701.931	-	632.452.884	-
Total	5.574.064.990	-	2.183.376.158	-

5b. Other long-term receivables

This item reflects the long-term deposits for leasing warehouses.

6. Doubtful debts

The Corporation has the following overdue receivables:

		Ending balance				Beginning balance		
	Overdue period	Original amount	Recoverable amount	Overdue period		Original amount	Recoverable amount	Overdue period
Tam Truong Tin Limited								
Trading and Services Company Limited	From 6 months to under 1 year	361.687.833	-		From 6 months to less than 1 year	361.687.833	-	
		1.366.188.471	956.331.930		From 1 year to less than 2 years	1.366.188.471	956.331.930	
Short-term receivables from other customers		1.468.322.737	730.637.779			1.468.322.737	730.637.779	
From 6 months to under 1 year		813.496.823	569.447.776			813.496.823	569.447.776	
From 1 year to under 2 years		143.725.596	71.862.798		From 6 months to less than 1 year	143.725.596	71.862.798	
From 2 years to under 3 years		297.757.353	89.327.205		From 1 year to less than 2 years	297.757.353	89.327.205	
Over 3 years		213.342.965	-			213.342.965	-	

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

	Ending balance			Beginning balance		
	Overdue period	Original amount	Recoverable amount	Overdue period	Original amount	Recoverable amount
Total		3.196.199.041	1.686.969.709		3.196.199.041	1.686.969.709

Changes in allowances for doubtful debts are as follows:

	Ending balance	Beginning balance
Beginning balance	1,107,703,602	1,107,703,602
Additional allowance	401,525,730	401,525,730
Writing off debts	-	-
Ending balance	1,509,229,332	1,509,229,332

The Company assesses the recoverability of its receivables as at the reporting date.

The current allowance for doubtful debts has been maintained at the same level as at the beginning of the year, as the Board of Management considers that there has been no material change in the recoverability of these receivables.

For certain long-outstanding receivables, the Company continues to implement recovery measures, including negotiations with counterparties and, where necessary, legal actions. The Board of Management considers that these balances have been appropriately reflected in the Financial Statements

7. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Costs	Allowances	Costs	Allowances
Materials and supplies	21.960.568.253	(452.588.804)	19.571.899.099	(452.588.804)
Work-in-process	953.407.030	-	630.699.170	-
Finished goods	11.360.064.650	(564.297.458)	9.314.713.802	(564.297.458)
Merchandise	813.520.804	-	786.723.201	-
Total	35.087.560.737	(1.016.886.262)	30.304.035.272	(1.016.886.262)

Changes in allowances for devaluation of inventories are as follows:

	Ending balance	Beginning balance
Beginning balance	1.016.886.262	1.186.256.661
Additional extraction/(Reversal) of allowances		(169.370.399)
Ending balance	1.016.886.262	1.016.886.262

8. Prepaid expenses**8a. Short-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Expenses of tools	956.482.225	507.727.862
Insurance premiums	633.740.592	447.533.732
Construction and repair costs		926.245.804
Expenses of fixed asset repairs	1.773.851.616	561.224.935
Total	3.364.074.433	2.442.732.333

8b. Long-term prepaid expenses

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

	Ending balance	Beginning balance
Land rental ⁽ⁱ⁾	447,953,977	413,601,698
Expenses of tools	786,440,849	570,782,715
Expenses of fixed asset repairs	3,421,520,881	3,319,544,135
Total	4,655,915,707	4,303,928,548

9. Tangible Fixed Assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Other tangible fixed assets	Total
Historical Cost						
Description						
Balance at the beginning of the year	47,567,535,432	102,826,082,248	7,450,552,330	1,253,718,103	402,797,701	159,500,685,814
Additions during the year/period	-	3,635,209,337	-	-	-	3,635,209,337
Transfers from construction in progress	850,313,171	14,118,306,380	-	-	-	14,968,619,551
Major repairs and renewals	-	-	-	-	-	-
Disposals and liquidations	-	-	-	-	-	-
Balance at the end of the year	48,417,848,603	120,579,597,965	7,450,552,330	1,253,718,103	402,797,701	178,104,514,702
						Of which:

Description

Fully depreciated assets still in use	6,098,297,830	21,074,293,201	2,527,857,617	1,071,221,191	402,797,701	31,174,467,540
---------------------------------------	---------------	----------------	---------------	---------------	-------------	----------------

Assets pending disposal	-	-	-	-	-	-
-------------------------	---	---	---	---	---	---

Accumulated Depreciation**Description**

Balance at the beginning of the year	24,557,194,604	48,540,154,267	5,013,494,517	1,107,601,290	402,797,701	79,621,242,379
Depreciation charge for the year/period	739,220,023	2,145,814,961	157,429,080	7,662,012	-	3,050,126,076
Disposals and liquidations	-	-	-	-	-	-
Balance at the end of the year	25,296,414,627	50,685,969,228	5,170,923,597	1,115,263,302	402,797,701	82,671,368,455

Net Book Value**Description**

Balance at the beginning of the year	23,010,340,828	54,285,927,981	2,437,057,813	146,116,813	-	79,879,443,435
Balance at the end of the year	23,121,433,976	69,893,628,737	2,279,628,733	138,454,801	-	95,433,146,247

Of which:

Description

Temporarily idle assets - - - - -

Assets pending disposal - - - - -

10. Intangible Assets**Cost (Historical Cost)****Description****Cost (Historical Cost)**

Balance at the beginning of the year	1,856,034,720
--------------------------------------	---------------

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

Description	Cost (Historical Cost)
-------------	------------------------

Balance at the end of the year	1,856,034,720
--------------------------------	---------------

Of which:

Description

Fully amortised assets still in use	40,400,000
-------------------------------------	------------

Accumulated Amortisation

Description

Balance at the beginning of the year	1,307,999,427
--------------------------------------	---------------

Amortisation charge for the year/period	98,512,227
---	------------

Balance at the end of the year	1,406,511,654
--------------------------------	---------------

Net Book Value

Description

Balance at the beginning of the year	548,035,293
--------------------------------------	-------------

Balance at the end of the year	449,523,066
--------------------------------	-------------

Of which:

Description

Temporarily idle assets	-
-------------------------	---

Assets pending disposal	-
-------------------------	---

11. Construction in Progress

Description	Opening Balance	Additions during the year	Transfers to Property, Plant and Equipment during the year	Transferred to expenses during the year	Closing Balance
Acquisition of fixed assets	21,426,025,605	1,619,559,916	(14,968,619,551)	-	8,076,965,970
Total	21,426,025,605	1,619,559,916	(14,968,619,551)	-	8,076,965,970

12. Investment in Subsidiary

According to the Enterprise Registration Certificate No. 0316867776 dated 20 May 2021 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, the Company invested VND 10,000,000,000 in Bach Tuyet Kotton Company Limited, representing 100% of its charter capital.

During the year, Bach Tuyet Kotton Company Limited initiated dissolution procedures in accordance with the Board of Directors' Resolution No. 16/2025/NQ-HDQT dated 30 September 2025.

Bach Tuyet Kotton Company Limited has received the Notification on enterprise dissolution procedures from the Department of Finance of Ho Chi Minh City, No. 948865/25 dated 28 October 2025. The Company is currently in the process of dissolution.

Bach Tuyet Kotton Company Limited is still in the process of finalizing the dissolution settlement procedures in accordance with applicable regulations.

Transactions with Subsidiary

Transactions with Bach Tuyet Kotton Company Limited during the year are as follows:

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

	Ending balance	Beginning balance
Sales revenue	0	36.110.509.101
Revenue from delivery support, warehousing and repair of damaged goods	0	6.327.000
Sales returns	0	4.613.406.990
Service fees received for market staff support	0	734.072.294
Payments for market staff support fees	0	938.995.523
Contractor tax paid on behalf	0	62.471.707

13. Trade Payables – Short-term

	Ending balance	Beginning balance
Payables to suppliers	12.360.276.052	13.126.346.293
– Nhu Man Trading Manufacturing Import	5.582.306.333	5.401.857.537
– Other suppliers	6.777.969.719	7.724.488.756
Total	12.360.276.052	13.126.346.293

14. Advances from Customers – Short-term

	Ending balance	Beginning balance
Bach Tuyet Kotton Company Limited (related party)	-	-
Tan Phu Real Estate Company Limited	9.000.000.000	9.000.000.000
Other custom	1.259.744.959	1.520.960.885
Total	10.259.744.959	10.520.960.885

15. Taxes and Other Payables to the State Budget

	Beginning balance – Payable	Opening Balance – Receivable	Arising during the year – Payable	Payments made during the year	Other increases (i)	Ending balance – Payable	Closing Balance – Receivable
VAT on local sales	850,427,438	-	5,412,772,897	5,597,797,368	-	665,402,967	-
VAT on imports	-	-	64,315,522	64,315,522	-	-	-
Corporate income tax	3,712,105,942	-	798,864,604	3,712,105,942	-	798,864,604	-
Personal income tax		396,894,950	474,094,892	370,690,769	-	-	293,490,827
Land rental	-	262,413,864	817,807,848	14,621,148	-	540,772,836	-
Other taxes	1	-	412,127,384	412,127,384	-	1	-

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

	Beginning balance – Payable	Opening Balance – Receivable	Arising during the year – Payable	Payments made during the year	Other increases (i)	Ending balance – Payable	Closing Balance – Receivable
Fees, charges and other payables	26,172,208	-	-	-	-	26,172,208	-
Total	4,588,705,589	659,308,814	7,979,983,147	10,171,658,133	-	2,031,212,616	293,490,827

Value Added Tax

The Company applies the credit (deduction) method for Value Added Tax (“VAT”).

Applicable VAT rates are as follows:

Medical cotton, gauze, bandages and medical masks: 5%

Cotton pads, cotton swabs and other goods consumed domestically: 10%

In 2025, the Company is entitled to apply a reduced VAT rate of 8% for certain goods and services in accordance with Decree No. 180/2024/ND-CP dated 31 December 2024 and Decree No. 174/2025/ND-CP dated 1 July 2025 issued by the Government, providing guidance on Resolution No. 174/2024/QH15 dated 30 November 2024 and Resolution No. 204/2025/QH15 dated 17 June 2025 of the National Assembly.

Corporate Income Tax

The Company is subject to Corporate Income Tax (“CIT”) on its taxable income at the statutory rate of 20%.

The estimated Corporate Income Tax payable is as follows:

	Ending balance	Beginning balance
Accounting profit before tax	4,000,267.874	18,226,595.345
Adjustments to reconcile accounting profit to taxable income:		
- Non-deductible expenses (additions)		333,934.363
- Deductible adjustments (reductions)	(5,944.852)	-
Taxable income	3,994,323.022	18,560,529.708
Corporate income tax rate	20%	20%
Corporate income tax payable	798,864.604	3,712,105.942

The determination of the Company’s Corporate Income Tax payable is based on the prevailing tax regulations. However, such regulations are subject to change from time to time, and the tax treatment applicable to various types of transactions may be subject to differing interpretations. Accordingly, the amounts of tax presented in the financial statements may be adjusted upon examination by the tax authorities.

Land Rental

Land rental is paid in accordance with notifications issued by the tax authorities.

Other Taxes

The Company declares and pays other taxes in compliance with applicable regulations.

16. Payables to Employees

Salaries and bonuses payable to employees.

	Ending balance	Beginning balance
Salaries payable	3,811,698.731	3,674,560.721
Accrued payroll (bonuses and other payroll-related accruals)	1,918,832.023	7,602,006.522

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Total	5.730.530.754	11.276.567.243

17. Short-term Accrued Expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Accrued interest expense	186.336.571	1.625.671.384
Other short-term accrued expenses	6.507.060.053	7.204.105.145
Total	6.693.396.624	8.829.776.529

18. Other Payables**18a. Other Short-term Payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Bach Tuyet Kotton Company Limited (related party) – other payable	14.328.320.303	14.328.320.303
Dividends payable		17.935.000
Social insurance and other insurance contributions	385.639.650	305.935.800
Trade union fees	339.656.686	219.370.886
PDG Investment Joint Stock Company (formerly Mandara Investment Joint Stock Company) – deposit received for performance of business cooperation contract	1.000.000.000	1.000.000.000
Other short-term payables	465.092.041	313.897.091
Total	16.518.708.680	16.185.459.080

18b. Overdue Payables

The deposit received for the performance of a business cooperation contract with **PDG Investment Joint Stock Company (formerly Mandara Investment Joint Stock Company)** amounting to VND 1,000,000,000 has been overdue for settlement since **19 January 2014**.

19. Borrowings**19a. Short-term Borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Loan from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh City Branch	-	-
Loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – Trang Bom Bac Dong Nai Branch (i)		1.277.410.608
Current portion of long-term loan from Financing for Healthier Lives, DAC (ii)	64.838.220.000	64.887.420.000
Current portion of long-term loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – Trang Bom Bac Dong Nai Branch	-	-
Total	64.838.220.000	66.164.830.608

- (i) The loan from the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – Trang Bom Bac Dong Nai Branch was obtained to supplement working capital for the Company's production and business activities. The interest rate is determined in accordance with each drawdown agreement, and the loan term is specified in each individual drawdown agreement, but does not exceed six (06) months. This loan is secured by certain tangible fixed assets and construction in progress (being a production line) owned by the Company (refer to Notes V.9 and V.11).
- (ii) The loan from Financing for Healthier Lives, DAC was obtained to meet the Company's needs relating to healthcare products and services in accordance with the business plan approved by the

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

Board of Directors. The loan bears interest at an annual rate equal to 6-month USD LIBOR plus 5.80% per annum, with a term of five (05) years.

The loan is repayable in accordance with a specified repayment schedule, with the first repayment made on 15 September 2023.

This loan is secured by the Company's entire rights, title and interests in and to the assets listed below, whether currently owned or to be acquired in the future. The pre-tax purchase value of these assets, as stipulated in the contract and based on actual payments, is equivalent to USD 2,500,000, converted into Vietnamese Dong at the exchange rate prevailing at the date of disbursement:

- All newly acquired assets and all rights, title and interests in such newly acquired assets;
- All rights, title and interests relating to the asset purchase agreements;
- Advance payments;
- All assets acquired on an annual basis and all rights, title and interests in such annually acquired assets;
- All rights, benefits, compensation and other proceeds received or receivable in lieu of, or in connection with, or arising out of, and all assets of whatever nature and description received in exchange for, or in substitution of, any of the foregoing rights and assets.

The Company's borrowings are secured by:

- Certain machinery and equipment located at the manufacturing plant at B52-B54/I, Street 2E, Vinh Loc Industrial Park, Vinh Loc Commune, Ho Chi Minh City, which have been pledged as collateral for the Company's loans (refer to Note V.9);
- Payment guarantees provided by SGI Holdings Investment Joint Stock Company (formerly Saigon 3 Group Investment Development Joint Stock Company) and Saigon 3 Capital Investment Company Limited (refer to Note VII.1b).

The Company has the ability to repay its short-term borrowings.

Details of movements in short-term borrowings are as follows:

	Beginning balance	New borrowings during the year	Transfers from long-term borrowings	Repayments during the year	Ending balance
Current year					
Short-term bank borrowings	1.277.410.608		2.209.555.228	(3.486.965.836)	-
Current portion of long-term borrowings	64.887.420.000		(49.200.000)		64.838.220.000
Total	66.164.830.608		2.160.355.228	(3.486.965.836)	64.838.220.000
Opening Balance					
Short-term bank borrowings	18.460.180.765	123.813.812.450	-	(102.535.233.063)	39.738.760.152
Current portion of long-term borrowings	23.448.000.000	-	4.000.000.000	(23.448.000.000)	4.000.000.000
Total	41.908.180.765	123.813.812.450	4.000.000.000	(125.983.233.063)	43.738.760.152

19b. Long-term Borrowings

	Ending balance	Beginning balance
Long-term loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – Trang Bom Bac Dong Nai Branch	-	-
Loan from Financing for Healthier Lives, DAC	-	-
Total	-	-

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)**Maturity Profile of Long-term Borrowings:**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Within one year		64.887.420.000
From over one year to five years	64.838.220.000	
Total	64.838.220.000	64.887.420.000

Movement of Long-term Borrowings:

	<u>Beginning balance</u>	<u>New borrowings during the year</u>	<u>Increase due to foreign exchange revaluation</u>	<u>Repayments during the year</u>	<u>Transfers to short-term borrowings</u>	<u>Ending balance</u>
Current year						
Long-term bank borrowings	-					
Long-term borrowings from other institutions	-					
Total	-					
Prior year						
Long-term bank borrowings	16.000.000.000			(16.000.000.000)		
Long-term borrowings from other institutions	62.855.460.000		2.031.960.000		(64.887.420.000)	
Total	78.855.460.000		2.031.960.000	(16.000.000.000)	(64.887.420.000)	

19c. Overdue Borrowings

The Company has no overdue borrowings.

20. Short-term Provisions

Short-term provisions relate to provision for severance allowances payable to employees.

21. Equity**21a. Statement of Changes in Equity**

	<u>Share capital</u>	<u>Share capital</u>	<u>Share capital</u>	<u>Share capital</u>	<u>Share capital</u>	<u>Share capital</u>	<u>Share capital</u>	<u>Share capital</u>
Balance at the beginning of the prior year	98.000.000.000	25.160.000.000	9.474.344.616	16.111.448.423				148.745.793.039
Profit for the prior year								
Balance at the end of the prior year	98.000.000.000	25.160.000.000	9.474.344.616	16.111.448.423				148.745.793.039
Balance at the beginning of the current year	196.000.000.000	24.811.850.000	9.474.344.616	24.718.223.919				255.004.418.535
Profit for the			-		3.201.403.270			3.201.403.270

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

	Share capital	Share capital	Share capital	Share capital	Share capital	Share capital	Share capital	Share capital	Share capital
current year/period									
Balance at the end of the current year/period	196.000.000.000	24.811.850.000	9.474.344.616	27.919.627.189	258.205.821.805				

In the prior financial year, the Company increased its charter capital from VND 98,000,000,000 to VND 196,000,000,000 in accordance with a resolution of the General Meeting of Shareholders. Accordingly, the opening balance for 2026 reflects the post-increase charter capital and is consistent with the closing balance as at the end of 2025. The movement in share premium during the period mainly relates to the recognition of direct costs associated with the share issuance carried out in the prior year. During the period, the Company did not appropriate additional amounts to equity reserves.

21b. Details of owner's capital

	Current year	Previous year
Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited	79.785.580.000	79.785.580.000
SGL Holdings Investment Joint Stock Company	48.426.000.000	48.426.000.000
Thanh Cong Securities Joint Stock Company	18.676.000.000	18.676.000.000
Other shareholders	49.112.420.000	49.112.420.000
Total	196.000.000.000	196.000.000.000

As at the date of these Financial Statements, the Company has not yet implemented the issuance of ESOP shares under the Employee Stock Ownership Plan.

21c. Shares

	Current year	Previous year
Number of shares registered to be issued	19.600.000	19.600.000
Number of shares sold to the public	19.600.000	19.600.000
- Common shares	19.600.000	19.600.000
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	-	-
- Common shares	-	-
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	19.600.000	19.600.000
- Common shares	19.600.000	19.600.000
- Preferred shares	-	-

Par value per outstanding share: VND 10,000.

22. Off-balance Sheet Items

	Current year	Previous year
Advances and other receivables with unidentified counterparties	2.200.718.672	2.200.718.672
Trade receivables from unidentified customers	1.134.256.732	1.134.256.732
Receivables from other organizations and individuals	162.595.984	162.595.984
Total	3,497,571,388	3,497,571,388

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

The above receivables have been written off as they are considered uncollectible.

VI. Supplementary Information for Items Presented in the Statement of Profit or Loss**1. Revenue from Sales of Goods and Rendering of Services****1a. Gross Revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from sale of finished goods	77.285.736.757	55.070.264.186
Revenue from rendering of services	1.843.000	5.924.000
Total	77.287.579.757	55.076.188.186

1b. Revenue from Sales of Goods and Rendering of Services to Related Parties

In addition to transactions with the subsidiary as disclosed in Note V.12, the Company also entered into sales transactions with other related parties as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Sai Gon 3 Garment Joint Stock Company	32.823.215	37.095.677
Ho Chi Minh City Medical Import-Export Joint Stock Company	1.685.900	29.967.250

2. Revenue Deductions

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Sales discounts	4.273.371.190	3.606.107.570
Sales returns	5.428.756.191	1.095.211.391
Total	9.702.127.381	4.701.318.961

3. Cost of Sales

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Cost of finished goods sold	36.273.554.688	36.186.924.163
Provision for/(reversal of) inventory obsolescence		
Total	36.273.554.688	36.186.924.163

4. Finance Income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest income from term deposits	222.674.296	24.193.254
Interest income from loans	4.140.638.353	3.765.214.731
Foreign exchange gains	973.500	
Total	4.364.286.149	3.789.407.985

5. Finance Costs

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expense	1.829.022.928	2.775.265.035
Foreign exchange losses		698.640.000
Foreign exchange loss/(gain) from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	(4.831.691)	5.265.000
Total	1.824.191.237	3.479.170.035

6. Selling Expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Staff costs	3.593.075.772	2.332.356.089
Marketing expenses	553.572.328	396.416.579
Tools and supplies expenses	120.718.945	46.976.605

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Depreciation of fixed assets	242.225.281	232.166.277
Amazon selling expenses	196.725.246	0
E-commerce channel expenses	14.103.539.393	
Outsourced service expenses	1.163.112.133	504.733.766
Other cash expenses	1.230.455.957	413.896.018
Other expenses	2.000.000	6.220.000
Total	21.205.425.055	3.932.765.334

Selling expenses for the period increased compared to the same period of the previous year, mainly due to additional costs incurred in relation to sales activities through e-commerce channels and sales support programs. These expenses are consistent with the Company's market expansion strategy and have been controlled within the Company's approved budget.

7. General and Administrative Expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Staff costs	5.826.763.983	4.738.210.860
Office supplies expenses	537.600.711	53.402.297
Depreciation of fixed assets	268.136.916	298.198.605
Taxes, fees and charges	288.194.842	266.716.557
Provision for/(reversal of) doubtful receivables		(279.090)
Outsourced service expenses	102.951.627	74.084.251
Other cash expenses	1.223.805.845	1.634.497.293
Other expenses	402.179.800	5.713.300
Total	8.649.633.724	7.070.544.073

8. Other Income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Income from settlement of long-outstanding payables with unidentified counterparties	38.393	47.561
Other income	9.240.512	8.885.852
Total	9.278.905	8.933.413

9. Other Expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Loss on disposal of fixed assets (net)	-	790.627.071
Other expenses	5.944.852	5.065.258
Total	5.944.852	795.692.329

10. Earnings per Share

Information on earnings per share is presented in the consolidated financial statements.

11. Operating costs by factors

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	74.192.310.005	150.822.667.746
Labor costs	5.397.175.238	43.640.792.619
Depreciation/(amortization) of fixed assets	3.050.126.076	9.440.211.922
Expenses for external services		2.698.345.556
Other expenses	10.245.721.475	19.548.904.637
Total	92.885.332.794	226.150.922.480

VII. OTHER DISCLOSURES

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)**1. Transactions and balances with related parties**

The Corporation's related parties include key management personnel, their related individuals and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key management personnel and their related individuals

The key management personnel comprise: members of the Board of Directors and the Executive Board (the Board of Management and the Chief Accountant). The key management personnel's related individuals are their close family members.

Transactions with the key management personnel and their related individuals

The Corporation has no sales of goods and service provisions and no other transactions with the key management personnel and their related individuals.

Receivables from and payables to the key management personnel and their related individuals

The Corporation has no receivables from and payables to the key management personnel and their related individuals.

Remuneration of the key management personnel and the Supervisory Board

	Salaries	Allowances, bonuses	Compensation	Total remuneration
Current year				
Board of Management				
Mr. Nguyen Khanh Linh	330.020.000	-	9.000.000	339.020.000
Ms. Ngo Thi Thu Trang	420.020.000	-	-	420.020.000
Supervisory Board				
Mr. Nguyen Hoang Giang	-	-	6.000.000	6.000.000
Ms. Doan Thi Thu Suong	-	-	3.000.000	3.000.000
Ms. Tran Bao Ngoc	-	-	3.000.000	3.000.000
Cộng	750.040.000	-	21.000.000	771.040.000
Previous year				
Board of Management				
Mr. Nguyen Khanh Linh	357.600.000	837.400.000	36.000.000	1.231.000.000
Ms. Ngo Thi Thu Trang	300.000.000	1.080.000.000	9.800.000	1.389.800.000
Supervisory Board				
Mr. Nguyen Hoang Giang	-	-	17.466.667	17.466.667
Ms. Doan Thi Thu Suong	-	-	15.266.667	15.266.667
Ms. Tran Bao Ngoc	-	-	12.000.000	12.000.000
Mr. Nguyen Trung Hieu	-	-	3.266.667	3.266.667
Cộng	657.600.000	1.917.400.000	93.800.001	2.668.800.001

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Corporation include:

Other related parties	Relationship
SIG Holdings Investment JSC (formerly known as Saigon 3 Group Investment Development Joint Stock Company)	Ultimate Parent Company
Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited	Parent Company
Saigon 3 Garment Joint Stock Company	Subsidiary of SIG Holdings Investment JSC
Saigon Leather Joint Stock Company	Subsidiary of SIG Holdings Investment JSC
Ho Chi Minh City Medical Import Export Joint Stock Company	Subsidiary of SIG Holdings Investment JSC
Sai Gon 3 Jean Company Limited	Subsidiary of Saigon 3 Garment Joint Stock Company
Thanhcong Securities Company	Subsidiary of Sai Gon 3 Capital Investment Company

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the financial statements.

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)

Other related parties	Relationship
	Limited
Thanh Cong Asset Management Company Limited	Subsidiary of Thanhcong Securities Company
Thanh Cong Investment Fund	Subsidiary of Thanhcong Securities Company
Bach Tuyet Kotton Company Limited	Subsidiary

Transactions with other related parties

In addition to the transactions with the subsidiary presented in Note No. V.12 and sales of goods and service provisions to other related parties other than the subsidiary presented in Note No. VI.1b, the Corporation has the following transactions with other related parties:

	Current year	Previous year
<i>Saigon Leather Joint Stock Company</i>		
Loan	99.000.000.000	114.000.000.000
Loan recovery		89.000.000.000
Loan interest	3.173.424.657	12.050.109.587
Interest income		14.576.239.724
<i>Ho Chi Minh City Medical Import Export Joint Stock Company</i>		
Trade discount	50.577	274.926
Sales revenue	1.685.900	29.967.250
<i>Saigon Leather Joint Stock Company</i>		

Guarantee commitment

SGL Holdings Investment JSC and Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited have committed to providing absolute, unconditional, and irrevocable payment guarantees for the Corporation's long-term borrowing from Financing for Healthier Lives, DAC (see Notes No. V.19a).

Receivables from and payables to other related parties

The receivables from and payables to other related parties are presented in Notes No. V.2, V.4a, V.4b, V.5a, V.14 and V.18a.

The receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowances have been made for the receivables from other related parties.

2. Segment information

Principal business activities of the Corporation are to manufacture and trade in medical bandage, gauze, cotton, medical masks and cotton swab of all kinds and other products from cotton. The Corporation's products are not exposed to various categories of risks and are mainly consumed in Vietnam. Revenue from these products accounts for more than 99% of gross revenue.

Accordingly, the Board of Management evaluates and believes that no segment reporting as a part of the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 is in conformity with the Vietnamese Accounting Standard No. 28 "Segment reporting" and the Corporation's current business.

3. Subsequent events

There are no material subsequent events which are required adjustments or disclosures in the Financial Statements.

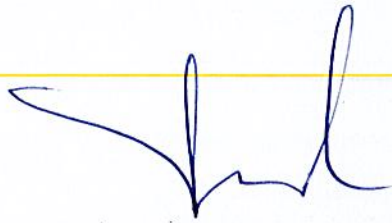
BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: 550 Au Co Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 01 January 2026 to 31 March 2026

Notes to the Financial Statements (continued)



Thieu Thi Cam Tu
Chief Accountant/Preparer



Ho Chi Minh City, 29 April 2026

Nguyen Khanh Linh
General Director

